| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **381**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2025
*V/v: Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lài**

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Phạm Thị Trinh**

**-** Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Thị Huyền -** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293 ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh **Phùng Phạm T**, sinh năm 1996 *(Có mặt).*

Địa chỉ: Xóm 5 Hoắc Châu, xã C1, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Chị **Trần Hương G**, sinh năm 1993 *(Vắng mặt).*

Địa chỉ: Tổ 15, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là tổ 15, phường H, thành phố Hà Nội).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Phùng Phạm T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Hương G kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu trong khoảng thời gian 2 tháng và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/2022 tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội (Nay là xã C1, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn với nhau, anh và chị G thuê nhà ở nhiều nơi và mỗi nơi chỉ ở một thời gian ngắn rồi chuyển đi nên anh T không nhớ rõ địa chỉ các nơi anh chị đã thuê nhà. Khi thuê nhà, anh chị không đăng ký tạm trú tại những nơi

đó. Quá trình anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Từ cuối năm 2023, anh T đi vào Sài Gòn để làm ăn và sinh sống. Còn chị G vẫn sinh sống ở Hà Nội. Đầu năm 2024, anh T và chị G vẫn gặp nhau ở Hà Nội nhưng chị G không nói nơi ở hiện nay cụ thể ở đâu. Bây giờ, anh và chị G vẫn liên hệ với nhau qua Zalo nhưng chị G không nói nơi ở hiện nay của chị ở đâu. Do chị G cố tình không cung cấp nơi ở hiện nay nên anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho anh được ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh chỉ biết trước đây chị G có nói với anh chị G ở tại địa chỉ tổ 15, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội) cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Dung. Anh đã nhắn tin với chị G về việc anh làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng chị G trả lời anh muốn làm gì thì làm, đừng nhắn tin cho chị G nữa.

Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho anh được ly hôn với chị G để anh ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị G không có con chung, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T xác định anh và chị G không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T xác định anh và chị G không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí giải quyết vụ án ly hôn: Anh Tuấn tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

**** Bị đơn chị Trần Hương G:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G đã được Tòa án triệu tập và tiến hành tống đạt bằng hình thức niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không lấy lời khai của chị G được.

**** Tại phiên tòa hôm nay:***

- Nguyên đơn là anh Phùng Phạm T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Phùng Phạm T xin được ly hôn với chị Trần Hương G; Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị G không có con chung, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T xác nhận anh và chị G không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung:

Anh T xác nhận anh và chị G không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là chị Trần Hương G vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) thụ lý đơn xin ly hôn của anh Phùng Phạm T đối với chị Trần Hương G là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật TTDS năm 2015. Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật TTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, bị đơn đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70 Bộ luật TTDS.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật TTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Phạm T về việc xin ly hôn với chị Trần Hương G. Xử cho anh Phùng Phạm T được ly hôn với chị Trần Hương G.

Về con chung: Anh T xác nhận không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Anh T xác nhận không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh T xác nhận không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Phạm T có đơn xin ly hôn đối với chị Trần Hương G có địa chỉ tại tổ 15, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

Quá trình giải quyết, Toà án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Trần Hương G, tuy nhiên chị G không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và các buổi làm việc chị G đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 04/9/2025, chị G vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên toà được mở vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 25 tháng 9 năm 2025. Tại phiên toà hôm nay, chị G vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Hương G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/2022 tại UBND xã C, huyện B, thành phố Hà Nội (Nay là xã C1, thành phố Hà Nội). Do vậy Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn với nhau, anh và chị G thuê nhà ở nhiều nơi và mỗi nơi chỉ ở một thời gian ngắn rồi chuyển đi nên anh T không nhớ rõ địa chỉ các nơi anh chị đã thuê nhà. Khi thuê nhà, anh chị không đăng ký tạm trú tại những nơi đó. Quá trình anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Từ cuối năm 2023, anh T đi vào Sài Gòn để làm ăn và sinh sống. Còn chị G vẫn sinh sống ở Hà Nội. Đầu năm 2024, anh T và chị G vẫn gặp nhau ở Hà Nội nhưng chị G không nói nơi ở hiện nay cụ thể ở đâu. Bây giờ, anh và chị G vẫn liên hệ với nhau qua Zalo nhưng chị G không nói nơi ở hiện nay của chị ở đâu. Do chị G cố tình không cung cấp nơi ở hiện nay nên anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho anh được ly hôn theo quy định của pháp

luật. Tuy nhiên, đầu năm 2024, anh gặp chị G ở quán nước và anh hỏi chị G đang ở đâu, chị G trả lời đang ở cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Dung tại địa chỉ tổ 15, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (Nay là phường H, thành phố Hà Nội). Anh đã nhắn tin với chị G về việc anh làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng chị G không hợp tác và nói muốn làm gì thì làm.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, hai vợ chồng phải chung sống cùng nhau, quan tâm và thương yêu, chăm sóc nhau. Căn cứ vào lời trình bày của anh T thể hiện, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2023, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không biết nơi sinh sống của nhau, cuộc sống và kinh tế độc lập với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị G vắng mặt không có lý do tại buổi hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh Phùng Phạm T và chị Trần Hương G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh T xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị G là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị G không có con chung, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh T xác nhận anh và chị G không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh T xác nhận anh và chị G không có, khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

***Xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Phạm T. Anh Phùng Phạm T được ly hôn với chị Trần Hương G.

**2. Về con chung:** Anh Phùng Phạm T xác nhận anh và chị Trần Hương G không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3. Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh Phùng Phạm T xác nhận anh và chị Trần Hương G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về nợ chung:** Anh Phùng Phạm T xác nhận anh và chị Trần Hương G không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:** Anh Phùng Phạm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000389 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh Phùng Phạm T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Anh Phùng Phạm T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Hương G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
*- TAND Thành phố Hà Nội;*
*- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;*
*- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;*
*- UBND xã C1, thành phố Hà Nội*; (Đăng ký ngày 26/12/2022 tại xã C);
*- Đương sự;*
*- Lưu: Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lài**